

SCRIPTS BÀI TẬP PART 2 – WHO, WHAT

<p>01. (M-Am) What's the topic of today's seminar?</p> <p>(W-Br) (A) In an hour. (B) I'm not sure. (C) No, on the bottom.</p>	<p>01. Chủ đề của hội nghị chuyên đề hôm nay là gì?</p> <p>(A) Trong một giờ nữa. (B) Tôi không chắc lắm. (C) Không, ở phía dưới.</p>
<p>02. (W-Am) What time does the train arrive?</p> <p>(M-Am) (A) It should be here soon. (B) Yes, I think it might rain. (C) No, I won't have time.</p>	<p>02. Mấy giờ thì tàu đến?</p> <p>(A) Nó sẽ đến sớm thôi. (B) Đúng, tôi nghĩ trời có thể mưa. (C) Không, tôi không có thời gian.</p>
<p>03. (W-Br) What do you think of this month's budget?</p> <p>(M-Am) (A) Yes, this month. (B) Looks like we need money. (C) Thanks, it was a gift.</p>	<p>03. Bạn nghĩ gì về ngân sách tháng này?</p> <p>(A) Đúng, tháng này. (B) Có vẻ như chúng ta cần tiền. (C) Cảm ơn bạn, nó là một món quà.</p>
<p>04. (W-Br) What time are you serving lunch?</p> <p>(W-Am) (A) Down at the harbor. (B) From 11 A.M. to 2 P.M. (C) Yes, I have time.</p>	<p>04. Mấy giờ thì bạn phục vụ bữa trưa?</p> <p>(A) Ở tận bến cảng. (B) Từ 11 giờ trưa đến 2 giờ chiều. (C) Đúng vậy, tôi có thời gian.</p>
<p>05. (W-Am) What's the hourly pay rate?</p> <p>(M-Br) (A) No, it's my old watch. (B) It's theirs, not ours. (C) It's thirty dollars.</p>	<p>05. Mức lương theo giờ là bao nhiêu?</p> <p>(A) Không, nó là cái đồng hồ cũ của tôi. (B) Nó là của họ, không phải của chúng ta. (C) Là 30 đô la.</p>
<p>06. (W-Br) Who's responsible for sending the invitations?</p> <p>(M-Am) (A) He got an e-mail. (B) Mr. Santori handles that. (C) No, she wasn't invited.</p>	<p>06. Ai chịu trách nhiệm gửi các thư mời?</p> <p>(A) Ông ấy đã có một e-mail. (B) Ông Santori xử lý việc đó. (C) Không, cô ấy không được mời.</p>
<p>07. (M-Br) What would you like to drink?</p> <p>(W-Am) (A) Yes, thank you. (B) No, I don't. (C) Orange juice, please.</p>	<p>07. Bạn muốn uống gì?</p> <p>(A) Đúng vậy, cảm ơn bạn. (B) Không, tôi không làm. (C) Nước cam.</p>

<p>08. (M-Br) Who's going to be working on the design project?</p> <p>(M-Am) (A) I read the sign. (B) Just you and Tom, I think. (C) A week from tomorrow.</p>	<p>08. Ai sắp sửa làm việc về dự án thiết kế?</p> <p>(A) Tôi đã đọc biển hiệu (B) Chỉ có bạn và Tom, tôi nghĩ vậy. (C) Một tuần kể từ ngày mai.</p>
<p>09. (W-Br) Who does this reference manual belong to?</p> <p>(W-Am) (A) It won't be long. (B) It's probably mine. (C) Yes, it does.</p>	<p>09. Cuốn sách hướng dẫn tham khảo này là của ai?</p> <p>(A) Nó sẽ không dài đâu. (B) Có lẽ là của tôi. (C) Đúng vậy.</p>
<p>10. (W-Am) What's the weather forecast for this weekend?</p> <p>(W-Am) (A) No, there were five of them. (B) They're predicting rain. (C) It's a week from now.</p>	<p>10. Dự báo thời tiết cho cuối tuần này như thế nào?</p> <p>(A) Không phải, có 5 người trong số họ. (B) Họ dự báo là có mưa. (C) Một tuần kể từ hôm nay.</p>
<p>11. (M-Am) Can I tell Ms. Jones who's calling?</p> <p>(M-Br) (A) My name is John Asato. (B) She can see you tomorrow. (C) No, I didn't call this morning.</p>	<p>11. Tôi sẽ nói với cô Jones là ai đang gọi đến?</p> <p>(A) Tên tôi là John Asato. (B) Cô ấy có thể gặp bạn vào ngày mai. (C) Không, sáng nay tôi không gọi.</p>
<p>12. (M-Am) What is the purpose of your visit to Singapore, sir?</p> <p>(M-Am) (A) Yes, five or six times. (B) At a hotel downtown. (C) I'm here for a convention.</p>	<p>12. Mục đích bạn đến Singapore là gì?</p> <p>(A) Đúng vậy, 5 hay 6 lần gì đó. (B) Tại một khách sạn ở khu trung tâm. (C) Tôi đến đây để tham dự một hội nghị.</p>
<p>13. (W-Br) I wonder who will be hired as assistant manager, don't you?</p> <p>(M-Br) (A) Sorry, he can't assist you right now. (B) I think Mr. Brown has a good chance. (C) No thanks, I can manage it.</p>	<p>13. Tôi thắc mắc là ai sẽ được tuyển vào vị trí trợ lý giám đốc.</p> <p>(A) Xin lỗi, anh ấy không thể hỗ trợ bạn vào lúc này. (B) Tôi nghĩ anh Brown có cơ hội tốt. (C) Không, cảm ơn, tôi có thể tự xoay sở.</p>

<p>14. (M-Am) Who's the person in charge of payroll?</p> <p>(W-Am) (A) We only take cash. (B) That would be Mona Li. (C) Payments are due today.</p>	<p>14. Ai là người quản lý bảng lương?</p> <p>(A) Chúng tôi chỉ nhận tiền mặt. (B) Có thể là Mona Li. (C) Việc thanh toán hôm nay là đến hạn.</p>
<p>15. (M-Au) Who signed the letter?</p> <p>(M-Cn) (A) In the cabinet. (B) A couple of times. (C) Ms. Jin did.</p>	<p>15. Ai đã ký vào lá thư?</p> <p>(A) Ở trong tủ. (B) Một vài lần. (C) Là cô Jin.</p>
<p>16. (W-Br) What was in that large package?</p> <p>(M-Cn) (A) It arrived last week, I think. (B) I found it in the hall. (C) The desk lamps that I ordered.</p>	<p>16. Có cái gì ở trong bưu kiện to thùng đó?</p> <p>(A) Tôi nghĩ nó đã đến đây hồi tuần trước. (B) Tôi tìm thấy nó ở sảnh. (C) Những cái đèn bàn mà tôi đã đặt hàng.</p>
<p>17. (M-Au) What's the best way to get to the airport?</p> <p>(W-Am) (A) I'd take the train. (B) Yes, it's very good. (C) Next to the telephone.</p>	<p>17. Cách tốt nhất để đến sân bay là gì?</p> <p>(A) Tôi sẽ đi tàu hỏa. (B) Đúng vậy, nó rất tốt. (C) Bên cạnh điện thoại.</p>
<p>18. (M-Cn) Who will be the first speaker?</p> <p>(W-Am) (A) Let me check the program. (B) Any time will be OK. (C) Could I have a second one?</p>	<p>18. Ai sẽ là diễn giả đầu tiên?</p> <p>(A) Để tôi kiểm tra chương trình. (B) Lúc nào cũng được. (C) Tôi có thể có cái thứ hai không?</p>
<p>19. (M-Cn) Who's scheduled to use the projector?</p> <p>(W-Am) (A) No one right now. (B) An interesting project. (C) On the ground floor.</p>	<p>19. Ai được sắp xếp sử dụng máy chiếu này?</p> <p>(A) Hiện giờ thì không có ai cả. (B) Một dự án thú vị. (C) Ở tầng trệt.</p>
<p>20. (M-Au) What topics were covered at yesterday's meeting?</p> <p>(W-Br) (A) We discussed our sales goals. (B) Was a cover letter included? (C) I'm looking forward to it.</p>	<p>20. Những chủ đề nào đã được bàn tới tại buổi họp hôm qua?</p> <p>(A) Chúng tôi đã thảo luận về những mục tiêu bán hàng. (B) Thư xin việc có được bao gồm không? (C) Tôi đang mong đợi điều đó.</p>

<p>21. (W-Am) Who'll be giving the keynote speech?</p> <p>(M-Au) (A) Ms. Patel usually unlocks it. (B) Have you checked the program? (C) I could use one, too.</p>	<p>21. Ai sẽ có bài phát biểu chính?</p> <p>(A) Cô Patel thường mở khoá nó. (B) Bạn đã kiểm tra chương trình chưa? (C) Tôi cũng có thể dùng 1 cái.</p>
<p>22. (W-Am) Who's going to set up the room for our meeting?</p> <p>(M-Au) (A) Yes, I think there's room. (B) Paul offered to do it. (C) After three, I believe.</p>	<p>22. Ai sẽ bố trí phòng cho cuộc họp của chúng ta?</p> <p>(A) Đúng vậy, tôi nghĩ là có chỗ. (B) Paul đã đề nghị làm việc đó. (C) Sau 3 giờ, tôi tin là vậy.</p>
<p>23. (W-Am) Who edits the company newsletter now?</p> <p>(M-Au) (A) Yes, it'll be ready for print shortly. (B) It's written for all current employees. (C) Bill Sharma took over that job.</p>	<p>23. Hiện ai đang biên tập tờ báo của công ty?</p> <p>(A) Đúng vậy, nó sẽ sẵn sàng để in ngay thôi. (B) Nó được viết cho tất cả nhân viên hiện tại. (C) Bill Sharma đã đảm nhiệm công việc đó.</p>
<p>24. (M-Cn) What can we do to expand our customer base?</p> <p>(W-Br) (A) Mostly in and around New York City. (B) Change our marketing strategy, I'd say. (C) By more than fifty percent last year.</p>	<p>24. Chúng ta có thể làm gì để tăng quy mô khách hàng?</p> <p>(A) Hầu hết là ở trong hoặc quanh thành phố New York. (B) Thay đổi chiến lược tiếp thị của chúng ta, đó là ý kiến của tôi. (C) Hơn 55 phần trăm so với năm ngoái.</p>
<p>25. (W-Br) What's the chair person's name again?</p> <p>(M-Cn) (A) Yes, that's her name. (B) There aren't enough chairs. (C) I think it's Ms. Freeman.</p>	<p>25. Tên của vị chủ tọa là gì?</p> <p>(A) Đúng vậy, đó là tên của cô ấy. (B) Không có đủ ghế. (C) Tôi nghĩ là cô Freeman.</p>

<p>26. (M-Cn) What will you do with your bonus money?</p> <p>(W-Br) (A) That would be really helpful. (B) I'm going to put it in the bank. (C) No, you don't owe us anything.</p>	<p>26. Bạn sẽ làm gì với tiền thưởng của mình?</p> <p>(A) Điều đó giúp ích rất nhiều. (B) Tôi dự định gửi ngân hàng. (C) Không, bạn không nợ chúng tôi gì cả.</p>
<p>27. (M-Au) Who recommended changing the production line?</p> <p>(W-Br) (A) The production manager did. (B) To improve overall efficiency. (C) By June, we hope.</p>	<p>27. Ai đã đề nghị thay đổi dây chuyền sản xuất?</p> <p>(A) Người quản lý sản xuất đã đề nghị. (B) Để cải thiện hiệu suất chung. (C) Trước tháng 6, chúng tôi hi vọng là vậy.</p>
<p>28. (W-Am) Who's going with you to China?</p> <p>(M-Cn) (A) I don't know whose it is. (B) To visit some customers there. (C) I'm going there on my own.</p>	<p>28. Ai sẽ đi cùng bạn đến Trung Quốc?</p> <p>(A) Tôi không biết nó là của ai. (B) Để thăm một vài khách hàng ở đó. (C) Tôi sẽ đến đó một mình.</p>
<p>29. (W-Br) Who was hired to fill the factory manager position?</p> <p>(M-Au) (A) No, I don't. (B) Not too tired. (C) No one, yet.</p>	<p>29. Ai đã được tuyển vào vị trí quản lý nhà máy?</p> <p>(A) Không, tôi không làm. (B) Không quá mệt mỏi. (C) Chưa có ai cả.</p>
<p>30. (M-Cn) Who's in charge of planning this event?</p> <p>(W-Br) (A) That was the plan. (B) One of my colleagues is. (C) Yes, if you can.</p>	<p>30. Ai chịu trách nhiệm lên kế hoạch cho sự kiện này?</p> <p>(A) Đó là kế hoạch. (B) Một trong những đồng nghiệp của tôi. (C) Đúng vậy, bạn có thể.</p>